

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 89 /Công Ty CP Acecook Việt Nam/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM

Địa chỉ: LÔ SỐ II-3, ĐƯỜNG SỐ 11, NHÓM CN II, KHU CÔNG NGHIỆP TÂN BÌNH, PHƯỜNG TÂY THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Điện thoại: 02838154064 Fax: 02838154067

Email: info@acecookvietnam.com

Mã số doanh nghiệp: 0300808687

Sản phẩm được sản xuất tại các nhà máy của Acecook đã có giấy chứng nhận HACCP

STT	Số giấy CN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ nhà máy sản xuất
1	VN19/00250	15.10.2019	SGS Việt Nam	Địa chỉ : Lô số II-3, đường số 11, nhóm CN II, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Kí hiệu nhà máy sản xuất: SG.
2	VN19/00250	15.10.2019	SGS Việt Nam	Địa chỉ : Khu phố 1B- phường An Phú - thành phố Thuận An - tỉnh Bình Dương. Kí hiệu nhà máy sản xuất: BD
3	VN19/00250	15.10.2019	SGS Việt Nam	Địa chỉ : Thị Trấn Như Quỳnh - huyện Văn Lâm- Hưng Yên. Kí hiệu nhà máy sản xuất: HY

Mã hồ sơ: LDFN12/06.21

II. Thông tin về sản phẩm:

Nhóm sản phẩm: Thực phẩm bổ sung

1. Tên sản phẩm:

MÌ LY MINI DORAEMON HƯƠNG VỊ HẢI SẢN CHUA NGỌT

2. Thành phần:

Vất mì: Bột mì, dầu cọ, tinh bột khoai mì, muối, chất bổ sung calci 10,39 g/kg (calci carbonat), chất ổn định (451(i), 501(i)), chất nhũ hoá (466), chất điều chỉnh độ acid (500(i)), phẩm màu curcumin tự nhiên, chất chống oxy hóa (320, 321).
Các gia vị: Đường, dầu cọ, bột kem không sữa, muối, chà sậy hương vị cá, chất điều vị (621, 631, 627), bắp sấy, protein sấy hương vị tôm, bột tôm 9,60 g/kg, các gia vị (tỏi, ớt, tiêu, gừng, hành), cải bó xôi sấy, chất điều chỉnh độ acid (330, 296), bột cá 3,84 g/kg, tinh bột khoai mì, bột mực 2,88 g/kg, màu chiết xuất từ ớt, hương liệu (hương tom yum tự nhiên, hương tỏi tổng hợp, hương dứa tổng hợp, hương chanh tổng hợp), chất chống đông vón (551).

Số tiêu chuẩn: 74-21

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

5 tháng kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng được in dưới đáy ly.

Quy cách in ngày sản xuất và hạn sử dụng :

NSX_ngày_tháng_năm_ký hiệu nhà máy sản xuất và thông tin khác tùy từng nhà máy.

HSD_ngày_tháng_năm

4. Qui cách đóng gói và chất liệu bao bì

Qui cách đóng gói:

Khối lượng tịnh 1 ly (g/ly): 53 g +/- 4,5 g

Số lượng ly/thùng carton: 12 ly/thùng.

Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đựng trong ly nhựa cấu trúc PP (polypropylene), bên ngoài ly có quấn giấy, cấu trúc nắp ly giấy couche/PET/LLDPE, cấu trúc lớp trong tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm PE (polyetylen) tiếp xúc an toàn với thực phẩm . Sau đó các ly thành phẩm được đóng vào thùng carton.

III. Mẫu nhãn sản phẩm:

Nội dung ghi nhãn phù hợp theo nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.

Nhãn đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

1. Giới hạn kim loại nặng: phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa	QCVN 8-2:2011
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	0,2	Mục 2.20
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2	Mục 3.18

Mã hồ sơ: LDFN12/06.21

2. Giới hạn độc tố vi nấm: phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa	QCVN 8-1:2011
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2,0	Mục 1.6
2	Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	4,0	Mục 1.6
3	Ochratoxin A	µg/kg	3,0	Mục 2.2
4	Deoxynivalenol	µg/kg	750,0	Mục 4.4
5	Zearalenone	µg/kg	75,0	Mục 5.3

3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: phù hợp QĐ 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm, mục 6.5.2.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	cfu/g	10 ⁴
2	Coliform	cfu/g	10,0
3	E-Coli	mpn/g	3,0
4	S.aureus	cfu/g	10,0
5	Cl. Perfringens	cfu/g	10,0
6	B. cereus	cfu/g	10,0
7	Tổng số nấm men, nấm mốc	cfu/g	10 ²

4. Chỉ tiêu hóa lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa
1	Độ ẩm vắt mì	%	10,0

5. Dao động thành phần dinh dưỡng:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị trên	Khoảng dao động +/- 20%
1	Giá trị năng lượng	kcal/53g	230	184 ~ 275
2	Hàm lượng chất béo	g/53 g	8,7	7,0 ~ 10,4
3	Hàm lượng carbohydrate	g/53 g	32,6	26,1 ~ 39,1
4	Hàm lượng chất đạm	g/53 g	5,2	4,2 ~ 6,2
5	Hàm lượng calci	mg/53 g	230	184,0 ~ 276,0

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 07 năm 2021

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
KANE DA HIROKI
GD. Khối Marketing
General Manager, Marketing Div

Mã hồ sơ: LDFN12/06.21

Mã hồ sơ: LDFN12/06.21



KANE DA HIROKI
GD. Khối Marketing
General Manager, Marketing Div



Mã hồ sơ: LDFN12/06.21

KANEDA HIROKI
GD. Khối Marketing
General Manager, Marketing Div



Mã hồ sơ: LDFN12/06.21

KANEDA HIROKI
GD. Khối Marketing
General Manager, Marketing Div



Mã hồ sơ: LDFN12/06.21

KANEDA HIROKI
GD. Khối Marketing
General Manager, Marketing Div



Mã hồ sơ: LDFN12/06.21

KANEDA HIROKI
GD. Khối Marketing
General Manager, Marketing Div



Mã hồ sơ: LDFN12/06.21



KANEDA HIROKI
GD. Khối Marketing
General Manager, Marketing Div